ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ VU GIA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20 /KH-UBND	*Vu Gia, ngày 23tháng 01 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố năm 2026.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng về chuyển đổi số; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã Vu Gia.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn xã, góp phần đổi mới phương thức quản lý, điều hành của chính quyền; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước cấp xã.

Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm của chuyển đổi số; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, từng bước hình thành xã hội số.

Thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số gắn với ứng dụng dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin mạng; góp phần phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

Việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số phải bám sát chủ trương, định hướng của Trung ương, Thành phố và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của xã Vu Gia.

Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong tổ chức thực hiện; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, tránh chồng chéo, hình thức, lãng phí nguồn lực.

Các nhiệm vụ, giải pháp phải có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình cụ thể; ưu tiên các nội dung thiết thực, dễ triển khai, mang lại hiệu quả trực tiếp cho người dân, doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước.

Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình triển khai chuyển đổi số; tuân thủ các quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu số.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND xã xem xét, điều chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện tại UBND xã, lấy người dân làm trung tâm, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng phục vụ Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
1	**Về phát triển Chính quyền số:**			
1.1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến;	99%	95%	Phòng VHXH
1.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến;		≥ 90%	
1.3	Tỷ lệ địa phương đạt cấp độ 4 và Tỷ lệ đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu;	100%	70%	Phòng VHXH
1.4	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành;	100%	100%	Phòng VHXH
1.5	Tỷ lệ các CSDL của thành phố thuộc các CSDL quốc gia được số hóa, cập nhật và đưa vào sử dụng hiệu quả; được kết nối, chia sẻ với LGSP thành phố và Trung tâm dữ liệu quốc gia;	100%	100%	Phòng VHXH
1.6	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn;	100%	100%	Phòng VHXH
1.7	Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối, sử dụng mạng dùng riêng, băng thông siêu rộng;	100%	100%	Phòng VHXH
1.8	Tỷ lệ các hệ thống cảm biến, giám sát, thiết bị IoT được triển khai mới phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chung của quốc gia và đảm bảo kết nối, truyền tải dữ liệu tức thời về Trung tâm dữ liệu và Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) thành phố để phục vụ công tác phân tích, điều hành;	100%	100%	Phòng VHXH
1.9	Tỷ lệ hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây;	100%	100%	Phòng VHXH

1.10	Tỷ lệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp;	100%	100%	Phòng VHXH
1.11	Tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ;	25%	20%	Phòng VHXH
1.12	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của sở, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản;	100%	30%	Phòng VHXH
1.13	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc;	100%	70%	Phòng VHXH
1.14	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số nâng cao;	100%	20%	Phòng VHXH
1.15	Xây dựng các Trung tâm điều hành thông minh cấp thành phố (IOC) và địa phương (OC) tích hợp, cung cấp dữ liệu số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành hiệu, thực thi công và cung cấp dịch vụ công quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công;			Phòng VHXH
1.16	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch đô thị và nông thôn lập mới được xây dựng, trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hoá);	100%	80%	Phòng VHXH
1.17	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ;	100%	100%	Phòng VHXH
1.18	Tỷ lệ các sở, ban, ngành, địa phương cung cấp tối thiểu 10 bộ dữ liệu mở chất lượng cao, cập nhật định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần;	100%	100%	Phòng VHXH
1.19	Tỷ lệ dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố;	70%	50%	Phòng VHXH

1.20	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.	100%	80%	Phòng VHXH
2	**Về phát triển Kinh tế số:**			
2.1	Bắt đầu triển khai kinh tế tầm thấp (giao hàng bằng UAV,…).			Phòng Kinh tế
3	**Về phát triển Xã hội số:**			
3.1	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số và có năng lực số và công cụ số (máy điện thoại thông minh, chữ ký số, tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt; có tài khoản định danh điện tử (VNeID);	≥ 90%	≥ 70%	Phòng VHXH
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ thiết bị di động thông minh; Internet băng thông rộng;	≥ 90%	≥ 80%	Phòng Kinh tế
3.3	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông;	≥ 90%	≥ 80%	Phòng VHXH
3.4	Tỷ lệ chi trả, thanh toán các dịch vụ an sinh xã hội qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt / số người đang hưởng chế độ BHXH trên địa bàn thành phố;	≥ 90%	≥ 90%	Phòng VHXH
3.5	Tỷ lệ Tổ Công nghệ số cộng đồng được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số;	100%	90%	Phòng VHXH
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân;	80%	50%	Phòng VHXH
3.7	90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,… được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.	90%	60%	Phòng VHXH

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhân lực số

a) 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế xã; Văn phòng HĐND&UBND xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công xã; Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; Tổ CNSCĐ; Các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc địa bàn xã.

- Thời gian thực hiện năm: 2026.

b) Triển khai tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin cho học sinh các trường THCS

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

- Cơ quan phối hợp: Các trường THCS trên địa bàn xã.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Hướng dẫn, tập huấn kỹ năng bán hàng qua mạng cho các tiểu thương, hộ kinh doanh

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

- Thời gian triển khai: Năm 2026.

2. Phát triển dữ liệu số

a) Triển khai 100% cơ quan, đơn vị ban hành danh mục và đặc tả cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước cơ quan, đơn vị.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế xã; Văn phòng HĐND&UBND xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Trạm Y tế xã; Các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc địa bàn xã; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã.

- Thời hạn hoàn thành: Tháng 6/2026

b) Triển khai mỗi cơ quan, địa phương cung cấp thêm ít nhất 02 danh mục dữ liệu mở, đảm bảo 100% cơ quan nhà nước phát triển, cung cấp dữ liệu mở theo Danh mục dữ liệu mở thành phố phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế xã; Văn phòng HĐND&UBND xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Trạm Y tế xã; Các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc địa bàn xã; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2026.

c) Số hóa các tài liệu của cơ quan, đơn vị.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế xã; Văn phòng HĐND&UBND xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Trạm Y tế xã; Các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc địa bàn xã; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

3. An toàn thông tin mạng

a) Định kỳ tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá tuân thủ các quy định, giám sát việc thực hiện công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng trong phạm vi quản lý, tối thiểu 01 lần/01 năm; đối với hệ thống thông tin cấp độ 5, tối thiểu 06 tháng/01 lần.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố; Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

b) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống thông tin chính quyền điện tử thành phố Đà Nẵng hoạt động ổn định, an toàn, không gián đoạn.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

4. Chính quyền số

a) Khai thác, sử dụng hiệu quả CSDL và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị đã được đầu tư, xây dựng.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế xã; Văn phòng HĐND&UBND xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Trạm Y tế xã; Các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc địa bàn xã; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026

b) Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của CBCC

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế xã; Văn phòng HĐND&UBND xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Trạm Y tế xã; Các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc địa bàn xã; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường số, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Phấn đấu tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến tăng trong năm 2026

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội xã; Tổ Công nghệ số cộng đồng; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

5. Kinh tế số

a) Tuyên truyền, hướng dẫn hộ kinh doanh, hợp tác xã, tiểu thương trên địa bàn tham gia sàn thương mại điện tử.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội xã; Tổ Công nghệ số cộng đồng; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026

b) Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội; Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

6. Xã hội số

a) Triển khai mỗi hộ kinh doanh, mỗi người dân (trưởng thành) có một tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội xã;

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế xã; Tổ Công nghệ số cộng đồng; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

b) Triển khai mỗi người dân được hướng dẫn, phổ cập kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

- Cơ quan phối hợp: Công an xã; Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã căn cứ nhiệm vụ được phân công chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Kế hoạch; định kỳ kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện về cho UBND xã.

- Tổ Công nghệ số cộng đồng trực tiếp hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số, phối hợp với UBND xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ được xây dựng trong Kế hoạch; báo cáo kết quả hoạt động định kỳ cho UBND xã.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số theo yêu cầu của UBND thành phố và các sở, ngành liên quan; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc để được hướng dẫn, tháo gỡ.

Trên đây là Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã Vu Gia năm 2026; yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:
- Sở KHCN;
- Công an thành phố;
- Phòng Kinh tế xã;
- Phòng VHXH xã;
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc địa bàn xã;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã;
- Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã;
- Ban Nhân dân các thôn;
- Lưu VT-LT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Phương